TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/DSST
Ngày: 27-02- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Duy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN C, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 27 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân HUYỆN C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2018/QĐXXST–DS ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Võ Văn B, sinh năm 1972 (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 17, ấp Hưng Thạnh, xã Đào Hữu Cảnh, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn:

- Ông Dương Văn H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Thùy T1 (Thoa), sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 04, ấp Hưng Phú, xã Đào Hữu Cảnh, HUYỆN C, tỉnh An Giang.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn ông Võ Văn B và Nguyễn Thị T2 trình bày:

Nguyên vào khoảng tháng 12 năm 2015, vợ chồng ông Hùng, bà T1có vay của ông B, bà T2 số vàng 07 chỉ loại vàng 24kr (lần thứ nhất vay 02 chỉ, lần thứ hai vay 02 chỉ, lần thứ ba vay 02 chỉ, lần thứ tư vay 01 chỉ, loại vàng 24kr), số vàng vay lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba là có lãi, với lãi suất là 100.000đ/chỉ/tháng, riêng lần vay thứ tư là mượn 01 chỉ để làm T1sức đi tiệc, không tính lãi, rồi cũng không trả, nên mới gộp chung vào thành 07 chỉ vàng 24kr. Bà T1đóng lãi được 06 tháng thì ngưng với số tiền 3.600.000 đồng (06 chỉ vàng 24kr x 6 tháng x 100.000 đồng). Thời hạn vay 03 tháng nhưng đến hạn không thanh toán, cứ hẹn lần hẹn lựa mà vẫn không trả. Vay không có giấy tờ, chỉ có biên bản hòa giải tại Ban ấp bà T1có thừa nhận nợ và Ban ấp có viết tờ tự T2 do bà T1ký và cam kết trả dần mỗi năm 02 chỉ (Đông Xuân 01 chỉ và Hè Thu 01 chỉ), trả trong 3,5 năm là dứt 07 chỉ vàng 24kr, nhưng cũng không thực hiện. Đến nay đã quá hạn thanh toán yêu cầu bà Trang, ông Hùng cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho vợ chồng ông bà số vàng 07 chỉ loại vàng 24kr trả dứt điểm 01 lần, không yêu cầu tính lãi, không đồng ý hoàn số tiền lãi 3.600.000 đồng mà bà T1đã đóng cho ông bà, vì bà T1 đã vay vàng của ông bà để làm ăn và sinh lợi nên việc bà T1 phải trả lãi cho ông bà là hợp pháp.

Ngoài ra, ông bà không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên hòa giải ngày 27 tháng 12 năm 2017 bị đơn bà T1trình bày:

Thống nhất có nợ số vàng 07 chỉ vàng 24kr, xin trả dần mỗi mùa Đông Xuân trả 0.5 chỉ, mỗi mùa Hè Thu trả 0.5 chỉ vàng 24kr cho đến khi trả dứt 07 chỉ vàng 24kr mà bà đã vay của vợ chồng ông B, bà T. Ngoài ra, bà còn yêu cầu không trả toàn bộ số tiền lãi vì bà đã phải đóng lãi là 200.000đồng/chỉ/tháng từ năm 2005 cho đến khi bị kiện ra Ban ấp, thực tế bà không có vay của bà T2 07 chỉ vàng 24 kr mà bà chỉ vay có 03 chỉ vàng 24kr nhưng nợ lãi nhập vào mới ra số vàng 07 chỉ vàng 24kr, bà T1cho rằng chỉ thỏa T2 miệng chứ không có chứng cứ chứng minh.

Bị đơn ông Hùng vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không trình bày ý kiến, bà T1cho rằng: ông Hùng không biết việc bà vay nợ nhưng cũng đồng ý như ý kiến của bà.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông B, bà T2 trình bày: Lời khai của bà T tại phiên hòa giải là không đúng sự thật, thật sự vợ chồng ông bà cho bà T1vay 06 chỉ vàng 24kr có lãi và 01 chỉ vàng 24kr cho mượn làm T1sức khi đi tiệc, không có lãi, chứ không phải như lời khai của bà T1là lãi nhập vốn. Ông B, bà T2 xác định yêu cầu khởi kiện đòi bà Trang, ông Hùng cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông bà 07 chỉ vàng 24kr dứt điểm 01 lần, rút lại phần yêu cầu tính lãi với số tiền 14.700.000 đồng, không đồng ý yêu cầu xin trả dần của bà T, không đồng ý hoàn lại số tiền lãi 3.600.000 đồng mà bà T đã đóng cho ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú chưa đảm bảo thời gian quy định, đề xuất rút kinh nghiệm. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T, ông Dương Văn H Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trang, ông Hùng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy qua lời khai của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà T1có vay của ông B, bà T2 số vàng 07 chỉ loại vàng 24kr, thời hạn vay 03 tháng, mặc dù các bên không lập thành văn bản nhưng khi có tranh chấp xảy ra các bên có hòa giải tại Ban ấp và tại đây có lập tờ tự T2 bà T1thừa nhận có nợ và cam kết trả dần. Xét đây là sự tự nguyện thỏa T2 của các đương sự trong việc giao kết hợp đồng vay, do bà Trang, ông Hùng vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông B, bà T2 yêu cầu bà Trang, ông Hùng liên đới trả số vàng nêu trên là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu đòi số tiền lãi 14.700.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Tại phiên tòa vợ chồng nguyên đơn thừa nhận đã nhận tiền lãi của bà T106 tháng x 600.000 đồng x 06 chỉ = 3.600.000 đồng. Căn cứ Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/04/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chấm dứt hoạt động huy động và cho vay vốn bằng vàng của các Tổ chức tín dụng. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã quy định chấm dứt các hình thức huy động và cho vay vàng, nên việc các đương sự cho vay vàng và đã nhận lãi là không phù hợp pháp luật, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xét buộc vợ chồng ông B, bà T phải hoàn trả lại cho bà T13.600.000 đồng tiền lãi đã đóng.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của các đương sự: Đơn xin miễn giảm án phí; Biên bản ghi lời khai; Biên nhận chứng cứ; Biên bản hòa giải ngày 07/12/2016 tại Văn phòng ấp Hưng Phú; Tờ tường trình; Tờ tự T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự vay tài sản; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn HUYỆN C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy Trang, ông Dương Văn H Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu đòi bị đơn ông Hùng, bà T1trả số tiền lãi 14.700.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu trả lãi số tiền 14.700.000 đồng.

[2] Về nội dung vụ án: Vào khoảng tháng 12 năm 2015 vợ chồng ông B, bà T2 có cho bà Nguyễn Thị Thùy Tvay nhiều lần số vàng 06 chỉ loại vàng 24kr với lãi suất là 100.000đ/chỉ/tháng và 01 chỉ vàng 24kr làm T1sức (01 chỉ vàng 24kr này không có lãi), cộng chung lại là 07 chỉ vàng 24kr, thời hạn vay là 03 tháng, nhưng đến hạn thanh toán bà T1không trả, cứ hẹn lần hẹn lựa. Khi bà T1vay vàng không có mặt ông Hùng nhưng ông Hùng biết việc vay vàng này, vợ chồng ông B, bà T2 có đến nhà bà T1ông Hùng đòi nợ, ông Hùng có thừa nhận nợ và hứa hẹn thanh toán. Nay ông B, bà T2 yêu cầu bà Trang, ông Hùng phải liên đới trả cho ông bà dứt điểm 01 lần số vàng 07 chỉ loại vàng 24kr, không yêu cầu tính lãi.

Phía bị đơn thống nhất có nợ số vàng 07 chỉ vàng 24kr, xin trả dần mỗi mùa Đông Xuân trả 0.5 chỉ, mỗi mùa Hè Thu trả 0.5 chỉ vàng 24kr cho đến khi trả dứt 07 chỉ vàng 24kr, nhưng bị đơn khai nại đã đóng lãi với số tiền 200.000đ/chỉ/tháng từ năm 2005 và thực tế chỉ có vay 03 chỉ vàng 24kr, không đóng lãi nên mới nhập vào vốn thành 07 chỉ vàng 24kr, nhưng không cung cấp chứng cứ.

Nguyên đơn không thống nhất toàn bộ lời khai nại của bị đơn và không thống nhất phương thức xin trả dần của bị đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với bà T1Hội đồng xét xử nhận định: Việc vay 07 chỉ vàng 24kr của ông B, bà T2 với bà Trang, thời hạn vay 03 tháng, không lập thành văn bản, nhưng các bên đã có buổi hòa giải tại Văn phòng Ban ấp Hưng Phú ngày 07/12/2016, tại đây bà T1thừa nhận nợ và cam kết trả dần 02 chỉ mỗi năm (Đông Xuân 01 chỉ, Hè Thu 01 chỉ) và ngày 07/12/2016 bà T1có nhờ Ban ấp lập tờ tự T2 cam kết trả dần đến cuối năm 2019, nên có thể xác định

hợp đồng vay vàng là có thật, đồng thời điều này được chứng minh qua lời khai nhận của bà T1tại phiên hòa giải ngày 27/12/2017. Tuy nhiên, bị đơn có nại ra là thực tế bị đơn chỉ vay của nguyên đơn 03 chỉ vàng 24kr nhưng do nợ lãi nên nhập vào vốn mới thành 07 chỉ vàng 24kr, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai nại của mình, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét. Do bà T1vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo tờ tự T2 ngày 07/12/2017 nên ông B, bà T2 yêu cầu bà T1phải trả dứt nợ một lần là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Phía bị đơn đề xuất phương án xin trả dần mỗi mùa Đông Xuân trả 0.5 chỉ, mỗi mùa Hè Thu trả 0.5 chỉ vàng 24kr cho đến khi trả dứt 07 chỉ vàng 24kr, không được phía nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu ông Hùng chồng bà T1phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T1trả số vàng 07 chỉ loại vàng 24kr, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý hợp lệ cho ông Hùng, theo đó có thể hiện rõ về nội dung vụ kiện là ông B, bà T2 yêu cầu ông Hùng phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T1trả cho ông bà số vàng 07 chỉ loại vàng 24kr, đồng thời tống đạt các văn bản tố tụng khác, nhưng phía ông Hùng không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Đối chiếu với vụ án này thì thấy bị đơn bà T1đã thừa nhận nợ, xin trả dần và phía bị đơn ông Hùng không phản đối, như vậy đã đủ cơ sở xác định việc vay 07 chỉ vàng 24kr là có thật, nên ông B, bà T2 yêu cầu bà Trang, ông Hùng cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông bà 07 chỉ vàng 24kr là có sơ sở chấp nhận.

Căn cứ Thông tư số: 11/2011/TT-NHNN ngày 29/04/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chấm dứt hoạt động huy động và cho vay vốn bằng vàng của các Tổ chức tín dụng, thì vàng là đối tượng bị chấm dứt các hoạt động huy động cho vay, nên việc các bên đương sự thực hiện giao dịch cho vay vàng và nhận lãi là không phù hợp pháp luật, nên nguyên đơn phải hoàn trả lại số tiền lãi đã nhận của bị đơn. Tại phiên hòa giải ngày 27/12/2018 bà T1có nại ra rằng bà đã đóng lãi cho vợ chồng ông B, bà T2 với mức lãi suất là 200.000đ/chỉ/tháng từ năm 2005 đến khi bị kiện ra Ban ấp, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền đã đóng, tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận đã nhận lãi của bà T13.600.000 đồng. Xét thấy, bị đơn khai có đóng lãi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền đã đóng, phía nguyên đơn thừa nhận có nhận 3.600.000 đồng, nên cần công nhận số tiền lãi mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn là 3.600.000 đồng. Do đó, đại diện Viện kiểm đề nghị Hội đồng xét xử xét buộc nguyên đơn phải hoàn trả số tiền lãi mà nguyên đơn đã thừa nhận là 3.600.000 đồng là có căn cứ phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

Với yêu cầu đòi 07 chỉ vàng 24kr được chấp nhận nên ông B, bà T1không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền này.

Tuy nhiên, ông B, bà T2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi buộc hoàn trả lại cho bà Trang, ông Hùng là 3.600.000 đồng x 5% = 180.000 đồng, được khấu trừ vào 927.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp nên ông B, bà T2 được nhận lại 747.000 đồng.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Trang, ông Hùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số vàng đã trả, có khấu trừ 3.600.000 đồng tiền lãi được hoàn lại. Bà T1có đơn xin miễn, giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương, nhưng căn cứ theo quy định pháp luật bà T1không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 07 chỉ vàng 24kr x 3.655.000 đồng (giá vàng ngày 27/02/2018 là 3.655.000đ/chỉ) – 3.600.000 đồng (tiền hoàn lãi đã nộp) = 21.985.000 đồng x 5% = 1.099.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu đòi số tiền lãi 14.700.000 đồng.

2. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy Tvà ông Dương Văn H phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị T 07 chỉ vàng 24kr.

Buộc ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy Trang, ông Dương Văn H 3.600.000 đồng tiền lãi mà bà T1đã đóng cho ông B, bà T2.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thùy Tvà ông Dương Văn H cùng chịu 1.099.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị T phải chịu 180.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 927.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017283 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN C. Nên ông B, bà T2 được nhận lại 747.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa T2 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND HUYỆN C;
- Chi cục THADS HUYỆN C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN	CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Giữ Nguyễn Hoàng Tuấn	**Lê Thị Hồng Thi**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND HUYỆN C;
- Chi cục THADS HUYỆN C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về "T/c về ly hôn", giữa:
1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn
Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:
* Về quan hệ pháp luật: "tranh chấp về ly hôn": Thống nhất 3/3
* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Trần Nghi Bình	Huỳnh Công Tấn	Ngô Ngọc Phỉ